

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 5 - 2025
Về “Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1336/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 249/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc Á, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số I, tổ D, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thái B, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: khóm L, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2024 của Văn phòng C (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ I, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Số F, tổ A, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thái B, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Khóm L, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2024 của Văn phòng C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/10/2024 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc Á và ông Phạm Thái B - đại diện theo ủy quyền cho bà Á trình bày:

Thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 10/10/2023, bà Đoàn Thị Ngọc Á có cho bà Nguyễn Hồng H vay tiền hai lần. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 10/2022 (không nhớ ngày), cho bà H vay 90.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, thời hạn vay khi nào cần bà Á báo trước 01 tháng. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Sau khi vay, bà H trả lãi được 12 tháng (đến hết tháng 10/2023) được 21.600.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 10/10/2023 (nhằm ngày 26/8a1/2023), bà H vay thêm 300.000.000 đồng, cũng lãi suất cũng 02%/tháng, nhưng lúc này thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng hoàn trả. Tuy nhiên, khi hỏi vay bà Á đang ở huyện G, tỉnh Kiên Giang, nên bà Á nhờ ông Nguyễn Hữu M lấy tiền của ông M giao cho bà H, sau đó 01 tuần bà Á trở về lấy tiền của bà Á trả lại cho ông M và phần tiền bà H vay thuộc của bà Á. Việc giao tiền giữa ba người cũng chỉ qua tay.

Tổng cộng hai lần vay tính đến ngày 10/10/2023 là 390.000.000đồng và bà H có trả lãi cho bà Á được 04 tháng bằng 31.200.000đồng thì ngưng, bà Á đòi thì bà H hẹn mà không trả. Nay bà Á yêu cầu bà H trả ngay số tiền trên cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật, đến khi xét xử.

Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ cho bà Nguyễn Hồng H để tham dự phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng bà H vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu M và ông Phạm Thái B – đại diện cho ông M cùng trình bày:

Thông nhất toàn bộ nội dung như bà Á trình bày. Thừa nhận vào ngày 10/10/2023 bà Á có nhờ và ông M lấy tiền của ông M giao cho bà H 300.000.000đồng, do bà H hỏi vay của bà Á, sau đó bà Á lấy tiền của bà Á trả lại cho ông M và bà Á, bà H, ông M thống nhất nhau số tiền bà H vay là của bà Á, chứ không phải của ông M. Nên nay ông M có ý kiến bà H trả cho bà Á, không liên quan đến ông.

Tại phiên tòa, bà Á và ông B - đại diện theo ủy quyền cho bà Á giữ nguyên yêu cầu bà H trả vốn 390.000.000đồng. Riêng tiền lãi thì bà Á rút lại yêu cầu.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Tuy khi cho vay các bên không lập thành văn bản, nhưng Tòa án có tổng đạt văn bản tố tụng về nội dung bà Á khởi kiện bà H số tiền vốn 390.000.000 đồng thì bà H không có ý kiến phản bác; hơn nữa tại biên bản lời khai của ông Nguyễn Văn U (chồng bà H) ngày 20/5/2025 thì ông U thừa nhận vợ ông có vay và còn nợ bà Á, nên khởi kiện của bà Á là có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận. Riêng tiền lãi bà Á rút lại yêu cầu, đề nghị HĐXX đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Bà Nguyễn Hồng H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt bà H theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho bà H vay nhưng bà H không trả, căn cứ đơn khởi kiện của bà Á, Tòa án xác định quan hệ: *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”*, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - Thẩm quyền: Theo bà Á, thời gian cho bà H vay là vào tháng 10/2023 thỏa thuận khi vay là 01 khoản trong hạn 03 tháng và 01 khoản khi cần báo trước 01 tháng để bà H trả, nhưng bà H không thực hiện, nên ngày 18/10/2024 ông Á khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; bà H có nơi cư trú tại huyện C, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp. Tuy nhiên, do bà H vắng mặt từ đầu, không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu kiện của bà Á, nên theo từng yêu cầu của bà Á, HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Về vốn vay: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho bà Á giữ nguyên yêu cầu bà H trả vốn 390.000.000 đồng, kèm theo tài liệu chứng cứ là Vi bằng số 87/2024/VB-TPLTHQ ngày 17/10/2024 của Văn phòng T và trình bày của ông Nguyễn Hữu M. Những tài liệu này đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ cho bà H, nhưng bà H không có ý kiến phản bác. Hơn nữa tại biên bản lời khai của ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1964, do Tòa án thu thập ngày 20/5/2025 thì ông cho biết: *Ông là chồng của bà H, ông thừa nhận vào năm 2022 (không nhớ ngày), vợ ông (bà H) có vay tiền của bà Á 02 lần, mỗi lần vay cụ thể bao nhiêu thì ông không nhớ, nhưng đến nay vợ ông chưa trả cho bà Á. Nay vợ ông cũng đồng ý trả nợ cho bà Á, nhưng hẹn khi nào sang nhượng đất mới trả...* Với những tài liệu, lời khai đã nêu có đủ căn cứ chứng minh bà H có vay và còn nợ bà Á 390.000.000 đồng, nên yêu cầu kiện của bà Á là có cơ sở, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Á.

[4.2]. Về lãi suất: Thỏa thuận lãi suất khi vay là 2% tháng, tương đương 24%/năm là cao, trong khi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự

thì lãi suất là do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt 20% năm. Tuy nhiên, bà H cũng chỉ trả lãi cho bà Á đến tháng 02/2024 thì ngưng, tính đến nay (tháng 5/2025) là 15 tháng bà H chưa trả lãi cho bà Á.

Tại phiên tòa, qua giải thích của HĐXX: Nếu tiếp tục tính lãi đến nay và khấu trừ lại phần tiền lãi mà bà Á nhận vượt mức quy định của bà H thì bà H còn phải trả tiếp cho bà Á nhưng là số tiền không lớn, nên bà Á tự nguyện rút lại yêu cầu này là có lợi cho bà H, HĐXX công nhận tự nguyện và đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Á. Như vậy bà H chỉ trả cho bà Á tiền vốn 390.000.000 đồng là phù hợp.

[5]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà Á được chấp nhận, nên bà Á không chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà Á đã nộp. Riêng bà H phải chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ của bà phải trả 390.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc Á.

Buộc bà Nguyễn Hồng H phải trả cho bà Đoàn Thị Ngọc Á 390.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Á về buộc bà H phải trả tiền lãi suất từ tháng 3/2024 đến khi xét xử.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Hồng H phải chịu 19.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới hoàn trả cho bà Đoàn Thị Ngọc Á 9.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0023577 ngày 01/11/2024.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Huệ